**Phụ lục 1**

**DANH MỤC VĂN BẢN PHỤC VỤ LẬP DỰ TOÁN**

1. Quyết định số 5830/QĐ-BGDĐT ngày 27/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ có sử dụng ngân sách Nhà nước của Bộ GDĐT.
2. Thông tư liên tịch 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Liên Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức, phân bổ dự toán đề tài sử dụng kinh phí có sử dụng ngân sách Nhà nước Quyết định 5830/QĐ-BGDĐT ngày 27/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT
3. Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.
5. Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.
6. Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
7. Các văn bản liên quan khác.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Khoản chi, nội dung chi** | **Quy định áp dụng** |
| 1 | Chi tiền công lao động trực tiếp | Quyết định 5830/QĐ-BGDĐT ngày 27/11/2015 của Bộ GDĐT |
| 2 | Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu | * Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm.
* 03 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng
 |
| 3 | Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định | * Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm.
* 03 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng
 |
| 4 | Chi hội thảo khoa học, công tác phí | * Hội thảo khoa học: Quyết định 5830/QĐ-BGDĐT ngày 27/11/2015 của Bộ GDĐT
* Công tác phí: Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính
 |
| 5 | Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu | * Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm.
* 03 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng
 |
| 6 | Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu | Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính  |
| 7 | Chi văn phòng, phẩm, thông tin liên lạc, in ấn | Không quá 2% tổng kinh phí đề tài |
| 8 | Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở | Không quá 50% định mức nghiệm thu chính thức quy định tại Thông tư liên tịch 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN |
| 9 | Chi quản lý chung | Không quá 5% tổng kinh phí đề tài |
| 10 | Chi khác | Vận dụng quy định hiện hành |

**\* Lưu ý:** *Nếu mục chi nào không chi thì ghi số 0 vào cột tổng kinh phí và chỉ giải trình (trong Phụ lục 2) các khoản chi nếu đề tài có chi.*

**Phụ lục 2**

**GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁC MỤC CHI**

***Mục 1: Công lao động trực tiếp tham gia thực hiện đề tài:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung công việc** | **Họ và tên người thực hiện** | **Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN** | **Hệ số tiền công theo ngày** | **Số ngày công** | **Lương cơ sở** *(đồng)* | **Tổng tiền công***(đồng)* | **Nguồn kinh phí** |
| **Từ NSNN** | **Nguồn khác** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)= (5)x(6)x(7)* | *(9)* | *(10)* |
| **1** |  |  |  |  |  |  | (ghi rõ tổng tiền công theo từng nội dung chính) |  |  |
| 1.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Mục 2. Chi mua vật tư , nguyên, nhiên, vật liệu:*** *Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. (Kèm 3 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Khoản chi, nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** *(đồng)* | **Tổng kinh phí** *(đồng)* | **Nguồn kinh phí** |
| **Từ ngân sách nhà nước** | **Nguồn khác** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* |
| **1** | **Nguyên, vật liệu** |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng** |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Năng lượng, nhiên liệu** |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

***Mục 3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:*** *Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. (Kèm 3 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** *(đồng)* | **Tổng kinh phí** *(đồng)* | **Nguồn kinh phí** |
| **Từ ngân sách nhà nước** | **Nguồn khác** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* |
| **1** | **Mua mới** |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Thuê thiết bị** (ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

***Mục 4. Chi hội thảo, công tác phí***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** *(đồng)* | **Tổng kinh phí** *(đồng)* | **Nguồn kinh phí** |
| **Từ ngân sách nhà nước** | **Nguồn khác** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* |
| 1 | **Hội thảo**  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Người chủ trì  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | Thư ký Hội thảo |  |  |  |  |  |  |
| 2.3 | Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo |  |  |  |  |  |  |
| 2.4 | Báo cáo khoa học đặt hàng nhưng không trình bày tại Hội thảo |  |  |  |  |  |  |
| 2.5 | Thành viên tham gia Hội thảo |  |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Công tác phí** |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

***Mục 5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ nghiên cứu:*** *Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. (Kèm 3 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng)*

***Mục 6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** *(đồng)* | **Tổng kinh phí** *(đồng)* | **Nguồn kinh phí** |
| **Từ ngân sách nhà nước** | **Nguồn khác** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* |
| 1 | **Điều tra, khảo sát thu thập số liệu** (nội dung điều tra khảo sát, số ngày, số người, công tác phí…) |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

***Mục 7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn:*** *Không quá 2% tổng kinh phí đề tài*

***Mục 8. Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** *(đồng)* | **Tổng kinh phí** *(đồng)* | **Nguồn kinh phí** |
| **Từ ngân sách nhà nước** | **Nguồn khác** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* |
| **4** | **Đánh giá, nghiệm thu đề tài cấp cơ sở** |  |  |  |  |  |  |
| 4.1 | Chủ tịch |  |  |  |  |  |  |
| 4.2 | Thành viên Hội đồng |  |  |  |  |  |  |
| 4.3 | Thư ký hành chính |  |  |  |  |  |  |
| 4.4 | Đại biểu dự |  |  |  |  |  |  |
| 4.5 | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  |  |  |  |  |  |
| 4.6 | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện |  |  |  |  |  |  |

***Mục 9. Chi quản lý chung:*** *Không quá 5% tổng kinh phí đề tài*

***Mục 10. Chi khác:***  *Vận dụng các quy định hiện hành*

*Ngày ……. tháng …… năm ……. Ngày ……. tháng …… năm …….*

 **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**

 *(Ký tên, đóng dấu) (Ký, ghi rõ họ tên)*